CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam

Ngày 30/06/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.5%	**5.6%**	**18.8%**

DT thuần
Q2/25
481
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 178| 58.7%
YoY: ▲ 266| 124%

LN thuần
Q2/25
-7.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.5| -207%
YoY: ▼22.2| -151%

LN sau thuế
Q2/25
-5.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.6| -184%
YoY: ▼20.2| -140%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.8%
YoY: +/-▼ 3.5%

ROE (TTM)
Q2/25
15.7%
YoY: +/-▼ 77.7%

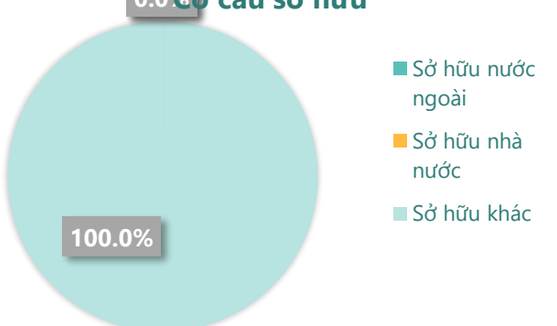
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,100 - 4,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	51
Số lượng CPLH (CP)	13,539,226
KLGD BQ 20 phiên (CP)	205
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.00
EPS	362
P/E	10.5

DT thuần
6T 2025
784
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 437| 126%

LN thuần
6T 2025
-0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.6| -103%

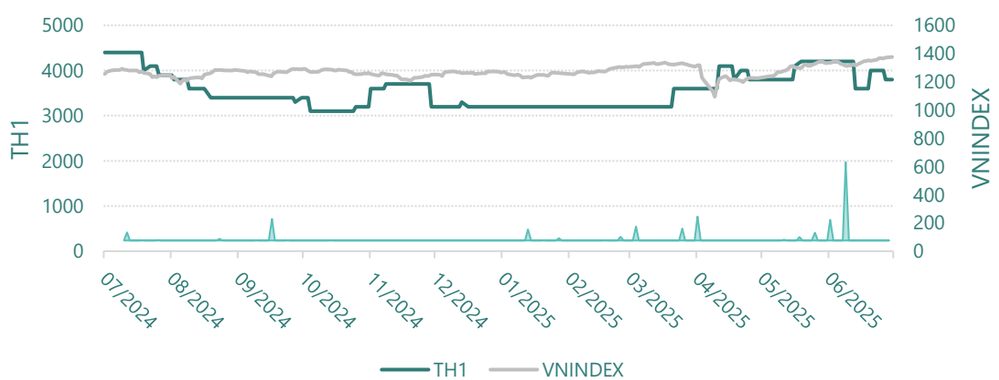
LN sau thuế
6T 2025
1.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.7| -94.1%

Cơ cấu sở hữu

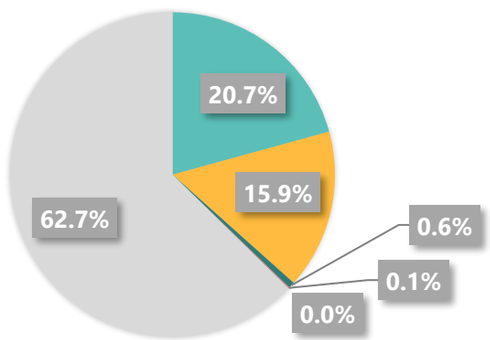


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

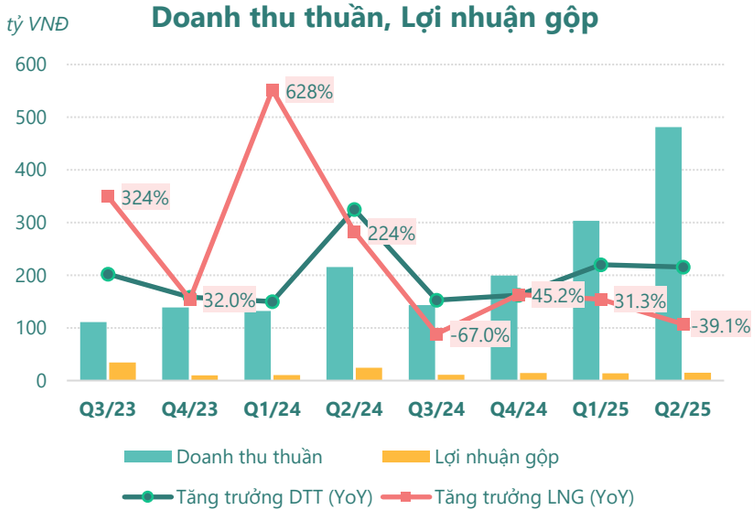


Đinh Đức Tùng
Nguyễn Vĩnh Huy (Chủ tịch HĐQT)
Hoàng Tuấn Khải
Phạm Thị Thảo (Thành viên Ban kiểm soát)
CTCP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

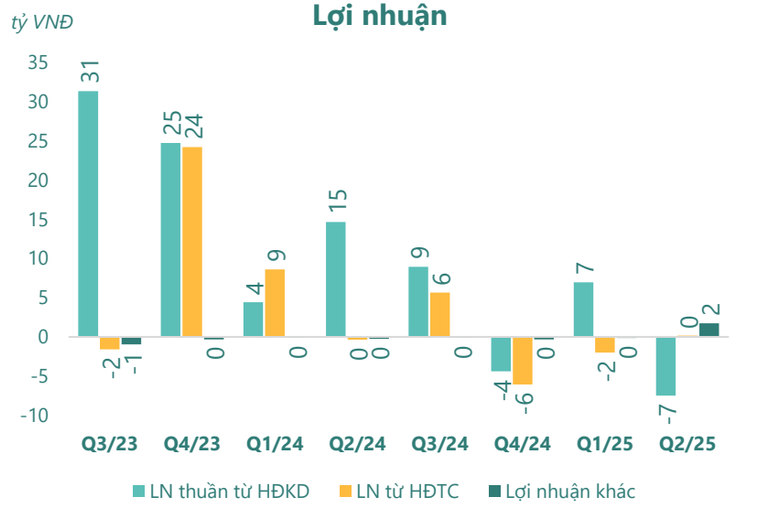
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



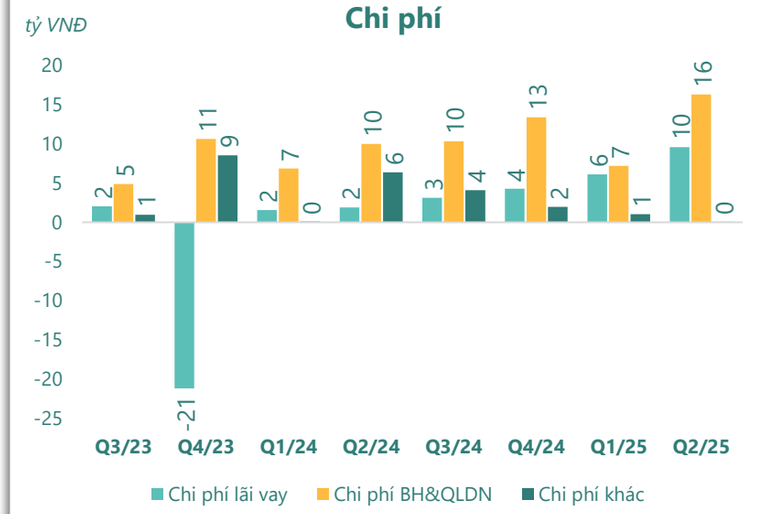
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



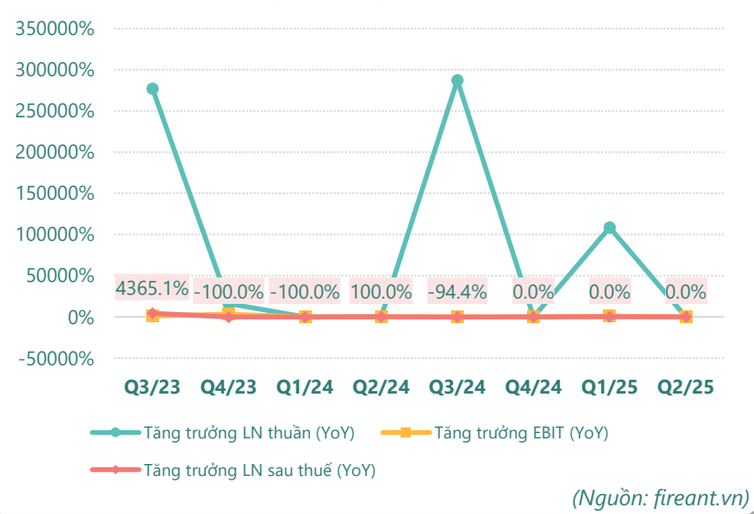
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



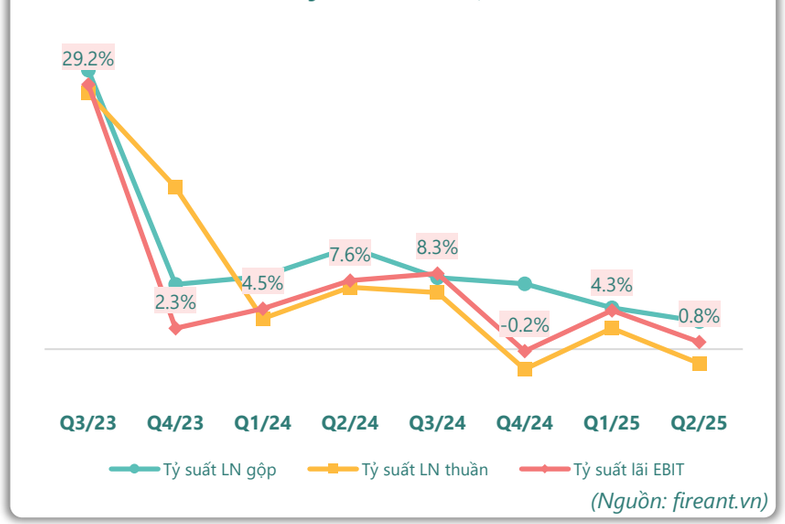
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



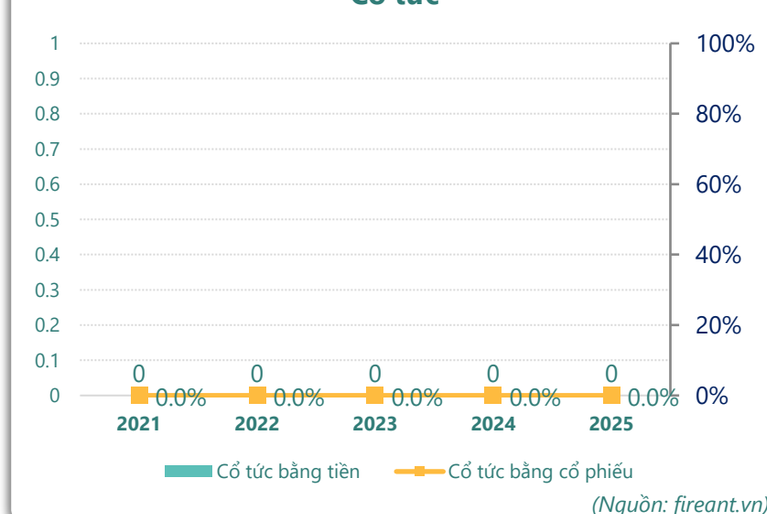
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

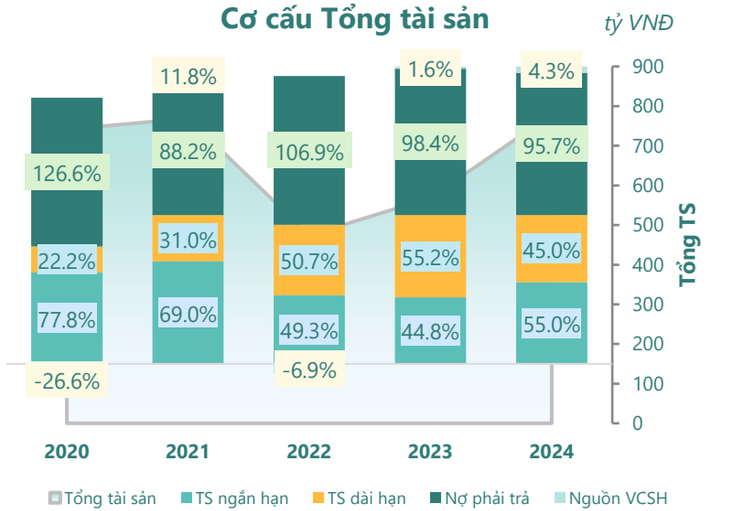
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

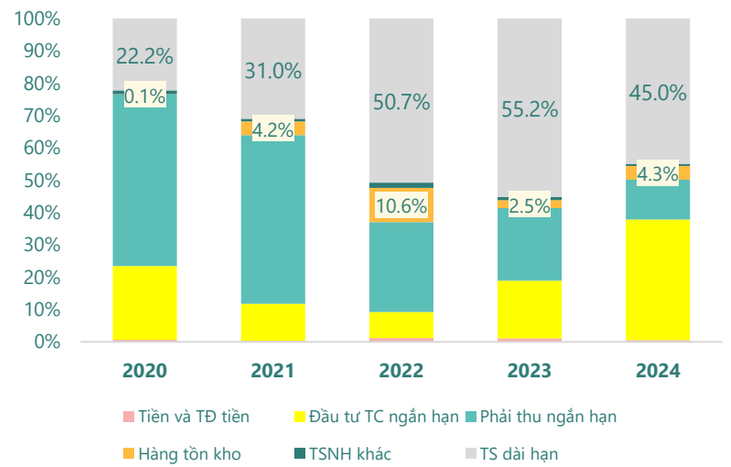
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



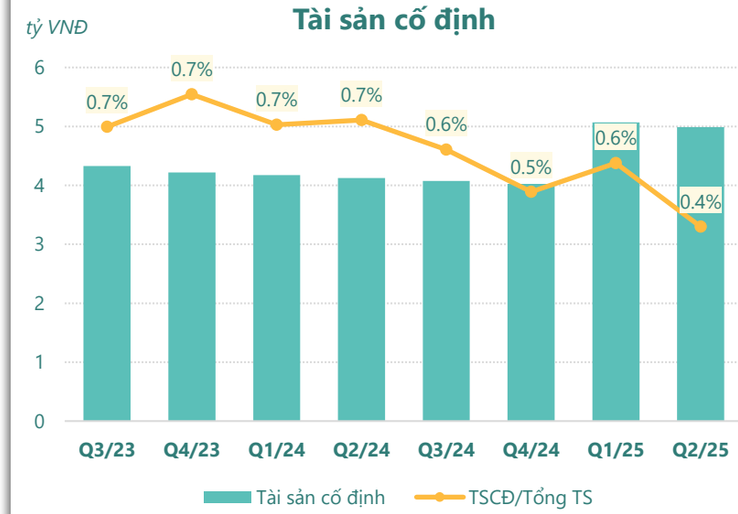
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



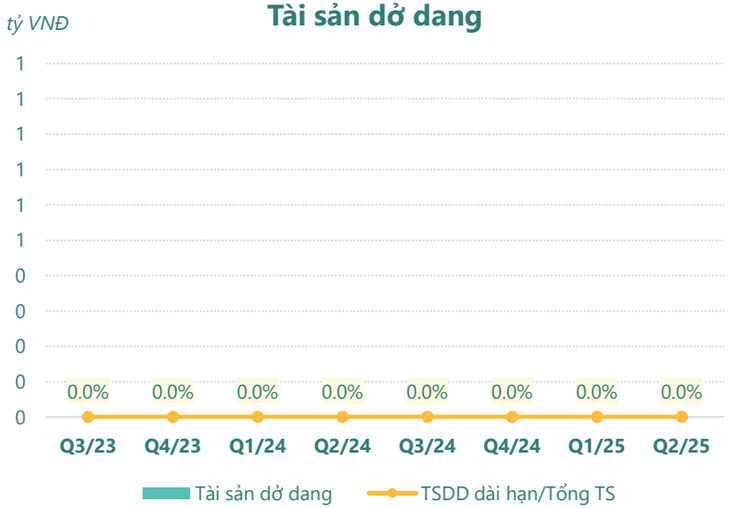
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



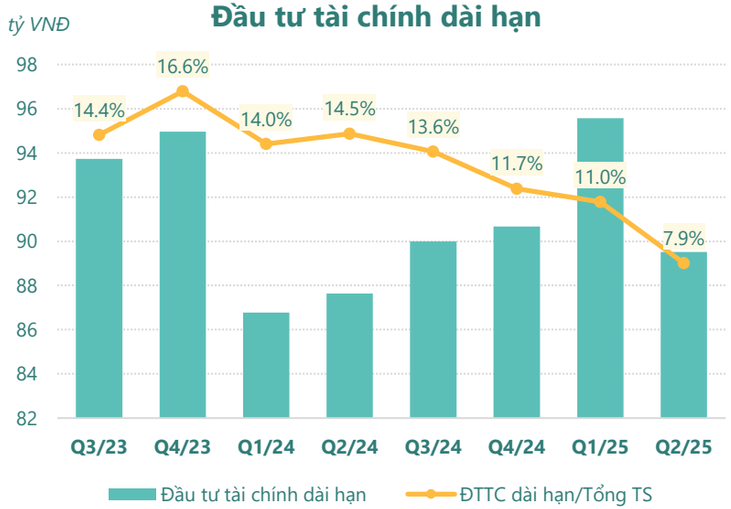
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

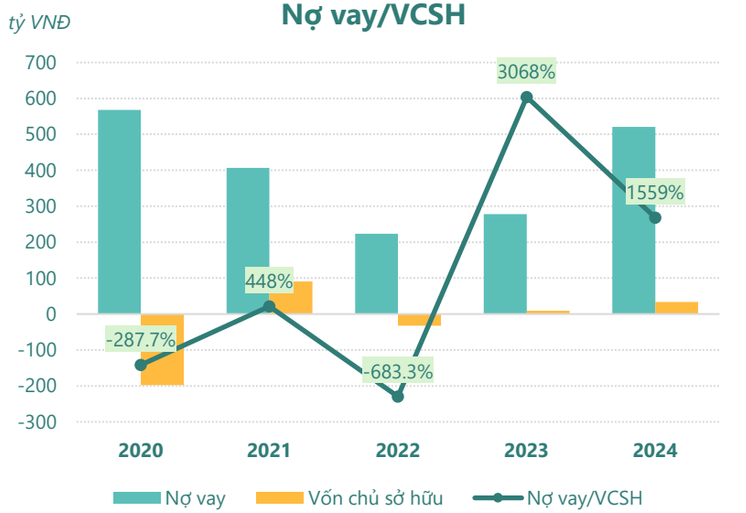
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

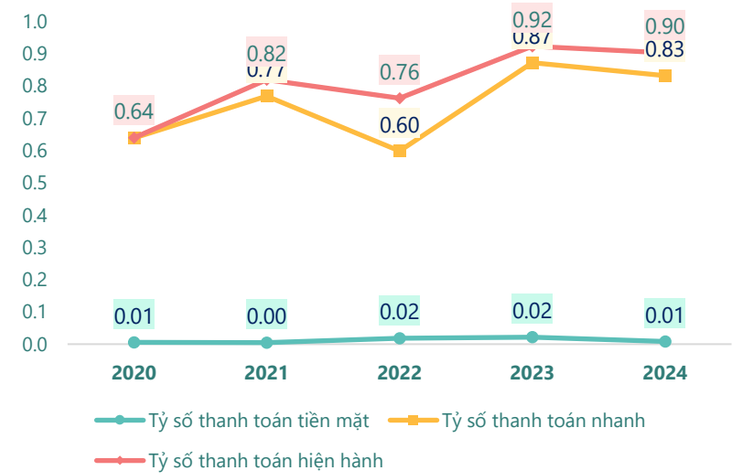
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



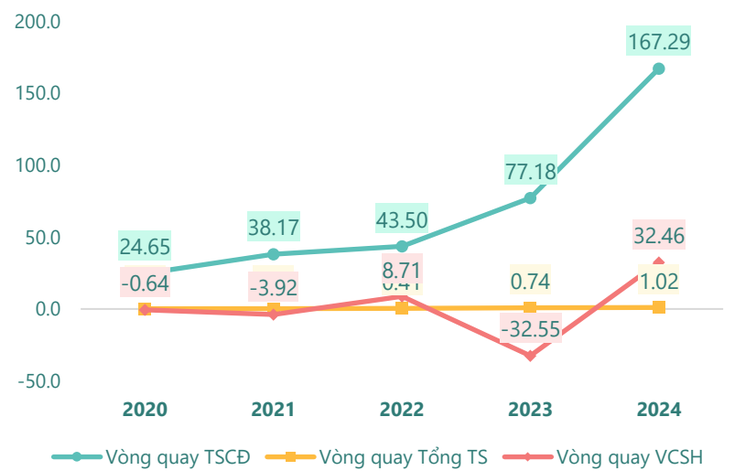
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



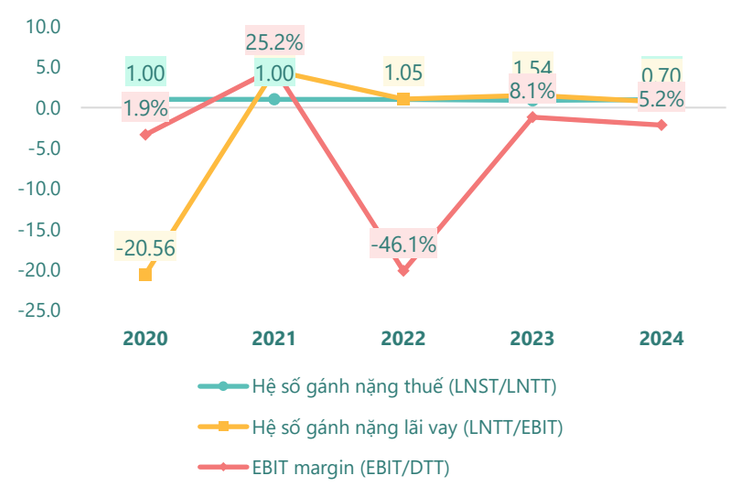
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



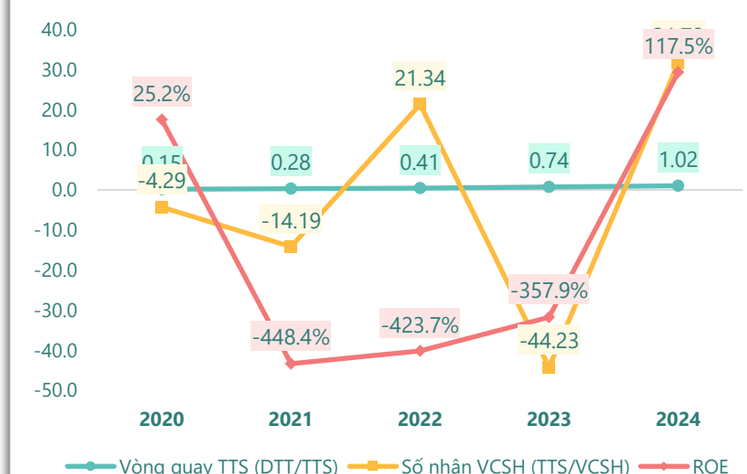
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



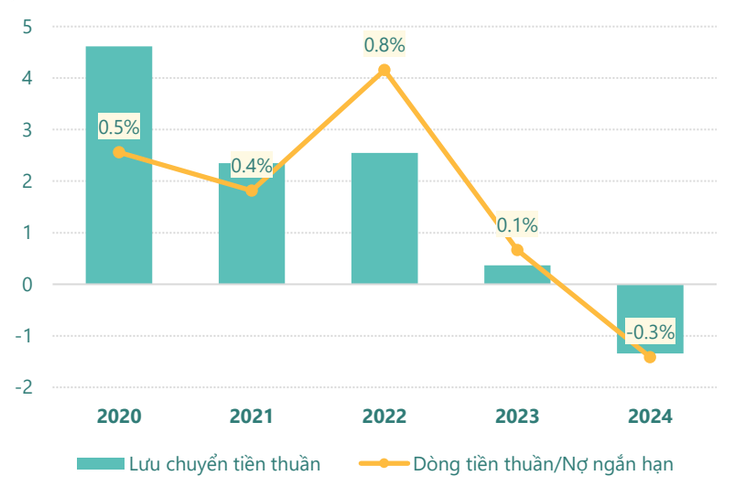
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**481**	**215**	**124%**	**784**	**347**	**126%**
Giá vốn hàng bán	466	191	144%	756	313	142%
Lợi nhuận gộp	14.7	24.1	-39.0%	28.6	34.7	-17.6%
Doanh thu HĐTC	25.5	4.77	434%	32.6	18.7	74.7%
Chi phí TC	25.3	5.11	395%	34.4	10.4	231%
Chi phí lãi vay	9.59	1.88	410%	15.7	3.44	356%
LN trong công ty LKLD	**-6.04**	**0.86**	**-803%**	**-3.75**	**-7.01**	**46.6%**
Chi phí bán hàng	13.6	8.72	56.2%	20.2	14.2	42.4%
Chi phí QLDN	**2.70**	**1.27**	**113%**	**3.38**	**2.71**	**24.8%**
LN thuần từ HĐKD	-7.48	14.7	-151%	-0.50	19.1	-103%
Lợi nhuận khác	**1.72**	**-0.25**	**789%**	**1.60**	**-0.35**	**558%**
LN trước thuế	-5.76	14.4	-140%	1.10	18.8	-94.1%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.76**	**14.4**	**-140%**	**1.10**	**18.8**	**-94.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.76**	**14.4**	**-140%**	**1.10**	**18.8**	**-94.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.16	-12.8	-13.0	14.8	-99.4	-34.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.0	-27.6	-44.1	-117	-54.2	-161
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.4	40.9	57.2	104	155	202
Tiền đầu kỳ	5.95	2.21	2.77	2.87	4.13	5.26
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.74**	**0.56**	**0.11**	**1.73**	**0.91**	**6.55**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	-0.29	0.23	-0.22
Tiền cuối kỳ	2.21	2.77	2.87	4.31	5.26	11.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,135**	**779**	**45.6%**
Tài sản ngắn hạn	914	429	113%
Tiền và tương đương tiền	11.6	4.13	181%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	567	291	95.0%
Phải thu ngắn hạn	179	95.8	86.5%
Hàng tồn kho	152	33.3	358%
Tài sản ngắn hạn khác	4.52	4.84	-6.5%
Tài sản dài hạn	**221**	**351**	**-37.0%**
Phải thu dài hạn	19.8	99.8	-80.1%
Tài sản cố định	4.99	4.03	23.9%
Bất động sản đầu tư	105	107	-1.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	89.5	139	-35.5%
Tài sản dài hạn khác	**1.36**	**1.33**	**2.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,100	746	47.5%
Nợ ngắn hạn	**906**	**475**	**90.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	715	351	104%
Phải trả người bán ngắn hạn	72.3	17.0	325%
Nợ dài hạn	195	271	-28.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	174	170	2.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**34.5**	**33.4**	**3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**34.5**	**33.4**	**3.3%**
Vốn điều lệ	135	135	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)